

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc áp dụng một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia
về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 08a/TTr-SNN ngày 17/02/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cụ thể như sau:

I. Tiêu chí Giao thông (Tiêu chí số 02)

1. Xã đạt tiêu chí giao thông khi đáp ứng được các yêu cầu sau:

1.1. Chỉ tiêu 2.1. Đối với đường trục xã:

- Có tuyến đường đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%.
- Các tuyến đường xã được cứng hóa mặt đường đạt tỷ lệ 100%, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.

Trường hợp đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện khác đi qua địa bàn xã thì coi những tuyến đường này là đường xã đã đạt tiêu chí.

1.2. Chỉ tiêu 2.2. Đối với đường trục thôn, bản: Được cứng hóa mặt đường đạt tỷ lệ từ 50% trở lên, các tuyến đường đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện.

1.3. Chỉ tiêu 2.3. Đối với đường ngõ, xóm: Được cứng hóa mặt đường đạt tỷ lệ từ 50% trở lên, các tuyến đường đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

1.4. Chỉ tiêu 2.4. Đối với đường trục chính nội đồng: Không lầy lội, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện.

2. Quy định về cứng hóa mặt đường:

Các tuyến đường được coi là cứng hóa mặt đường là các tuyến đã được làm mặt đường bằng các loại vật liệu khác nhau như: đá nhựa, bê tông, gạch lát, đá xẻ hoặc rải cấp phối đá thải, sỏi suối, xỉ lò, gạch vỡ, cấp phối đồi... được lu lèn chặt, đảm bảo thoát nước mặt tốt, không bị lầy lội vào mùa mưa.

3. Quy định đối với các loại đường:

3.1. Đường trục xã:

- Đường đến trung tâm xã: Là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện tới trung tâm hành chính của xã (đường đến trung tâm xã có thể là đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện hoặc là đường xã).

- Đường xã: Là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, bản; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã. Đường xã có bề rộng nền tối thiểu là 4,0m; Bề rộng mặt tối thiểu là 3,0m; có các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo theo quy định; theo danh mục đã được UBND huyện phê duyệt.

3.2. Đường trục thôn: Là đường nối từ trung tâm thôn đến các cụm dân cư; hoặc đường nối từ đường trục chính đến các cụm dân cư trong thôn; hoặc đường nối giữa các cụm dân cư (xóm) trong thôn. Đường trục thôn có bề rộng nền tối thiểu là 3,0m; Bề rộng mặt tối thiểu là 2,0m; có các tiêu chuẩn kỹ thuật đảm bảo theo quy định.

3.3. Đường ngõ, xóm: Là đường nối giữa các hộ gia đình trong các cụm dân cư (trong các xóm); có chiều rộng mặt đường nhỏ nhất là 1,0m.

3.4. Đường trục chính nội đồng: Là đường chính nối từ các khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của xã.

II. Tiêu chí Thủy lợi (Tiêu chí số 03)

Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên

Xã đạt chuẩn chỉ tiêu 3.1. Tiêu chí về thủy lợi khi đáp ứng các yêu cầu:

- Đối với xã đã có các công trình thủy lợi trên địa bàn đáp ứng tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động đạt 80% năng lực tưới thiết kế của công trình trở lên.

- Đối với xã chưa có công trình thủy lợi, nhưng có quy hoạch xây dựng công trình thủy lợi trên địa bàn xã và đủ điều kiện để đầu tư xây dựng thì phải đầu tư xây dựng để đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp tưới và tiêu đạt 80% năng lực tưới thiết kế của công trình trở lên.

- Trường hợp xã không có quy hoạch đầu tư xây dựng công trình thủy lợi hoặc có quy hoạch nhưng không đủ điều kiện để đầu tư xây dựng thì không xem xét tiêu chí thủy lợi.

III. Tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa (Tiêu chí số 06)

1. Chỉ tiêu 6.1. Nhà văn hóa xã

1.1. Nhà văn hóa xã

a) Đối với xã thuộc khu vực I, II

- Diện tích đất quy hoạch đối với hội trường văn hóa đa năng tối thiểu 300m².
- Quy mô xây dựng hội trường đa năng nhà văn hóa tối thiểu 150 chỗ ngồi.
- Có các phòng chức năng.

b) Đối với xã thuộc khu vực III

- Diện tích đất quy hoạch đối với hội trường văn hóa đa năng tối thiểu 200m².
- Quy mô xây dựng hội trường đa năng nhà văn hóa tối thiểu 100 chỗ ngồi.
- Có các phòng chức năng.

1.2. Sân thể thao xã: Có sân thể thao xã theo Quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt.

2. Chỉ tiêu 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định

Khuyến khích các xã có quy hoạch quỹ đất để xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

3. Chỉ tiêu 6.3. Nhà văn hóa, sân tập thể thao thôn

3.1. Nhà văn hóa thôn

a) Đối với các xã thuộc khu vực I, II

- Nhà văn hóa thôn: 100% thôn hoặc liên thôn có nhà văn hóa và có sân tập thể thao đơn giản, cụ thể:

+ Diện tích đất quy hoạch cho Nhà văn hóa từ 200 m² trở lên;

+ Quy mô xây dựng nhà văn hóa 80 chỗ ngồi trở lên, trường hợp khó khăn về mặt bằng thì bảo đảm có đủ chỗ ngồi tương ứng với số hộ trong thôn.

+ Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì chưa cần thiết có sân khấu.

+ Công trình phụ trợ: Có nhà vệ sinh, khuyến khích có tường rào bảo vệ.

+ Trang thiết bị: đạt 80%; trường hợp khó khăn kinh phí thì bảo đảm trang bị tối thiểu như bàn, ghế, các trang thiết bị còn lại sẽ bố trí dần qua các năm.

- Có sân tập thể thao đơn giản.

b) Đối với các xã thuộc khu vực III

- Nhà văn hóa thôn:

+ Diện tích đất quy hoạch nhà văn hóa từ 100 m² trở lên;

+ Có hội trường nhà văn hóa tối thiểu từ 50 chỗ ngồi trở lên; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì bảo đảm đủ chỗ ngồi tương ứng với số hộ trong thôn.

+ Có sân khấu trong hội trường phù hợp với diện tích nhà văn hóa; trường hợp khó khăn về mặt bằng thì chưa cần thiết có sân khấu.

- + Công trình phụ trợ: Có nhà vệ sinh, khuyến khích có tường rào bảo vệ.
- + Trang thiết bị: Đạt 80% trở lên; Trường hợp khó khăn kinh phí bảo đảm trang bị tối thiểu như bàn, ghế, các trang thiết bị còn lại sẽ bố trí dần qua các năm.
- Có sân tập thể thao đơn giản.

3.2. Trường hợp sử dụng đình làng hoặc điểm sinh hoạt công cộng khác làm nơi hoạt động văn hóa, thể thao mà đảm bảo diện tích, có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn của nhà văn hóa vẫn được tính có nhà văn hóa thôn.

IV. Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại (Tiêu chí số 07)

1. Đối với xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

1.1. Xã có chợ nông thôn trong quy hoạch ngành thương mại do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh phê duyệt và đạt chuẩn tiêu chí khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Về diện tích, mặt bằng xây dựng chợ : Có mặt bằng chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ; bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh; diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m².

b) Về kết cấu nhà chợ chính: Nhà chợ chính phải bảo đảm kiên cố hoặc bán kiên cố.

c) Về yêu cầu đối với các bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình:

Có bảng hiệu thể hiện tên chợ; nền chợ phải được bê tông hóa; có khu vệ sinh bố trí nam, nữ riêng; bố trí địa điểm hoặc phương án trông giữ xe; khu bán thực phẩm tươi sống, khu dịch vụ ăn uống được bố trí riêng, bảo đảm điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm; có nước sạch, nước hợp vệ sinh; có phương án và hệ thống cấp điện theo quy định; có khu thu gom rác và xử lý rác trong ngày; có hệ thống rãnh thoát nước bảo đảm; có thiết bị và phương án bảo đảm phòng cháy, chữa cháy cho chợ theo quy định.

d) Về điều hành quản lý chợ:

- Có tổ chức quản lý và Nội quy chợ được do UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường để người tiêu dùng tự kiểm tra; các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

1.2. Xã có cơ sở bán lẻ khác ở nông thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng được một trong các yêu cầu sau:

a) Siêu thị mini

- Có bảng hiệu thể hiện thông tin cần thiết.

- Có diện tích kinh doanh từ 200m²; có bố trí điểm hoặc phương án trông giữ xe, khu vệ sinh với quy mô phù hợp; danh mục hàng hóa kinh doanh từ 500 tên hàng trở lên và không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật; công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc; có thiết kế và trang bị kỹ thuật đảm bảo cho: bảo quản hàng hóa, đóng gói, bán hàng, thanh toán và quản lý

kinh doanh; Tổ chức, bố trí hàng hóa theo ngành hàng, nhóm hàng một cách văn minh, khoa học.

b) Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp

- Có bảng hiệu thể hiện thông tin cần thiết.

- Có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 50m² trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp; Danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên và không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật; Công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, đảm bảo theo yêu cầu; Có trang thiết bị cần thiết để bảo quản hàng hóa.

2. Đối với xã chưa có hoặc không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Trường hợp xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch ngành thương mại đã được UBND tỉnh phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần thiết đầu tư xây dựng; hoặc xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch ngành thương mại do UBND tỉnh phê duyệt thì sẽ không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

V. Tiêu chí Thông tin và truyền thông (Tiêu chí số 08)

1. Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

Có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ tại xã, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của các tổ chức, cá nhân tại địa phương.

2. Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet

Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn (đạt được một trong 2 tiêu chí sau):

2.1. Tất cả các thôn, bản trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại (dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, dịch vụ thông tin di động mặt đất) và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet (dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

2.2. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện tại mục 2.1 thì trên địa bàn xã phải có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet.

3. Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn:

- Xã có đài truyền thanh do UBND cấp xã trực tiếp quản lý nhân sự, máy móc thiết bị và kinh phí hoạt động.

- Ít nhất 50% số hộ dân trong xã được nghe thông tin từ hệ thống loa hoạt động (đối với các xã đặc biệt khó khăn chưa bắt buộc phải đáp ứng nội dung này trong giai đoạn 2017-2020).

4. Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

- Các cơ quan trong hệ thống chính trị: Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đều có máy vi tính phục vụ công tác.
- Xã có ít nhất 02 hoạt động chuyên môn nghiệp vụ có ứng dụng CNTT.
- 100% cán bộ công chức được cấp hộp thư điện tử công vụ.
- Khuyến khích có trang thông tin điện tử thành phần trên trang thông tin điện tử của huyện, thành phố.

VI. Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (tiêu chí số 17)

1. Chỉ tiêu 17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch

- Việc mai táng người chết được thực hiện phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt đẹp, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại.
- Trường hợp các thôn, hộ gia đình ở xa nghĩa trang hoặc không có nghĩa trang tiến hành mai táng tại các khu đất tập trung của thôn hoặc tại các khu đất của dòng họ, gia đình đảm bảo khoảng cách xa khu dân cư, những hộ dân ở phân tán tại các chòm xóm và nguồn nước đang sử dụng cho mục đích ăn uống tối thiểu 100m.
- Thực hiện cải tạo, nâng cấp các nghĩa trang (có đường đi, cây xanh, rào ngăn, có hệ thống mương thoát nước mặt,...).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các sở, ban, ngành căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định này và quy định có liên quan của bộ, ngành Trung ương chủ động xây dựng, ban hành hướng dẫn thực hiện; thẩm định, nghiệm thu các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.
2. UBND các huyện, thành phố căn cứ Quyết định này tập trung chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện. Hằng năm tổ chức rà soát đánh giá mức độ hoàn thành từng tiêu chí xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1186/QĐ-UBND, ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh về việc áp dụng một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chánh Văn phòng Điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (VQK).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Thương